



THÍCH NGHIỆM THANG ĐO RỐI LOẠN CHỨC NĂNG GIA ĐÌNH DÙNG TRONG TÂM LÝ HỌC TRƯỜNG HỌC

TS. NGUYỄN ĐỨC SƠN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Trong tâm lý học trường học nói chung và tham vấn học đường hiện nay nói riêng, việc sử dụng các công cụ đo tâm lý học (trắc nghiệm, bảng kiểm kê nhân cách, thang đo) để phát hiện các vấn đề tâm lý ở học sinh (trí tuệ, xúc cảm, hành vi, quan hệ bạn bè, gia đình, các rối nhiễu nhân cách...) ngày càng trở thành một trong các chuẩn mực nghề nghiệp. Do vậy, việc thiết kế các công cụ đo lường tâm lý ngày càng trở nên cần thiết. Tuy vậy, việc thiết kế các công cụ đo lường tâm lý không phải nước nào cũng có thể thực hiện được vì nó đòi hỏi trình độ, nguồn lực tài chính và thời gian. Để khắc phục được hạn chế đó, việc thích nghi các thang đo, trắc nghiệm tâm lý đã được chuẩn hóa là một xu hướng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Xu hướng này cũng bắt đầu được quan tâm ở nước ta, nhờ đó các nhà tâm lý học trường học hoặc tâm lý học lâm sàng có thể có được các công cụ đo lường có độ tin cậy và độ hiệu lực để tiến hành công việc chuyên môn. Bảng kiểm kê nhân cách thanh thiếu niên PIY(Personality Inventory for Youth) đang được thích nghi trên đối tượng là học sinh nước ta phục vụ cho việc giảng dạy và thực hành đánh giá nhân cách trong tâm lý học trường học là biểu hiện của xu hướng đó.

Trong thực tiễn tâm lý học trường học, nhà tâm lý học phải đối mặt với nhiều vấn đề tâm lý ở học sinh. Một trong các vấn đề phổ biến là mối quan hệ trong gia đình: quan hệ cha mẹ con cái, quan hệ giữa cha mẹ với nhau, cảm nhận về sự quan tâm và mức độ hài lòng với các quan hệ... Việc nghiên cứu mối quan hệ trong gia đình - như một trục tâm lý xã hội quan trọng bậc nhất đối với nhân cách của học sinh là không thể bỏ qua.

Vì hai lý do trên, bảng kiểm kê nhân cách thanh thiếu niên đang được thích nghi về ngôn ngữ và văn hóa cho phù hợp với học sinh THCS và THPT ở nước ta. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày các kết quả thích nghi một trong các thang đo của Bảng kiểm - thang đo Rối loạn chức năng gia đình, từ đó rút ra kết luận về khả năng sử dụng thang đo này trong tâm lý học trường học.

II. Thích nghi thang đo rối loạn chức năng gia đình trong tâm lý học trường học

1. Một số khái niệm

- Thích nghi thang đo là quá trình chuyển một thang đo từ ngôn ngữ ban đầu sang một ngôn ngữ khác sao cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đối tượng được đo lường mà không làm thay đổi mục tiêu, nội dung của thang đo và đảm bảo các yêu cầu về các thuộc tính đo lường tâm lý (psychometric properties) của thang đo (độ hiệu lực, độ tin cậy). Như vậy, thích nghi thang

đo tâm lý không chỉ đảm bảo việc chuyển ngữ của thang đo ban đầu sang tiếng Việt mà quan trọng hơn là phải đảm bảo các yêu cầu về các thuộc tính đo lường tâm lý của thang đo. Do vậy, quá trình thích nghi thang đo bao gồm hai công việc chính: 1/ Dịch thuật (dịch xuôi, dịch ngược, so sánh đối chiếu các bản dịch để đi đến bản dịch thống nhất) do các chuyên gia ngôn ngữ và tâm lý học chịu trách nhiệm và 2/ Điều tra thử trên mẫu khách thể mới, phân tích các thuộc tính đo lường của thang đo và điều chỉnh thang đo.

- Trong quá trình thích nghi, hai thuộc tính đo lường tâm lý cơ bản được quan tâm đó là:

+ Độ hiệu lực (validity): Mức độ chính xác và phù hợp trong việc đo được hiện tượng tâm lý hay cấu tạo tâm lý mà thang đo cần đo. Ví dụ, trắc nghiệm trí tuệ Binet-simon có thực sự đo được trí tuệ hay không. Độ hiệu lực này làm cho kết quả của thang đo có tính hữu ích vì nó cho phép ta đo được hiện tượng tâm lý mà ta quan tâm. Không có độ hiệu lực, việc sử dụng thang đo là vô ích. Có nhiều loại độ hiệu lực của một thang đo tâm lý như: độ hiệu lực nội dung, độ hiệu lực cấu trúc, độ hiệu lực tiêu chí... Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập độ hiệu lực cấu trúc của thang đo. Độ hiệu lực cấu trúc là sự phù hợp của cấu trúc thang đo với cấu trúc của hiện tượng tâm lý đã được xác định trên lý thuyết. Để xác định độ hiệu lực cấu trúc thông thường sử dụng phương pháp phân tích nhân tố, từ đó xác định sự tập trung của các item (mục hỏi) đối với nhân tố và tương quan của từng item với nhân tố (mỗi thang đo là một nhân tố trong một trắc nghiệm gồm nhiều thang đo - nhiều nhân tố). Nếu tương quan tốt, chứng tỏ các item đồng nhất với thang đo hay nói cách khác chúng cùng đo một miền đo. Ngoài ra, có thể sử dụng một thang đo đã được chứng minh là có độ hiệu lực, so sánh đối chiếu kết quả với thang đo đang được thích nghi. Nếu kết quả tương đương thì có thể kết luận thang đo được thích nghi có độ hiệu lực.

+ Độ tin cậy (reliability): Là sự ổn định bên trong của thang đo. Thang đo có độ tin cậy là thang đo cho các kết quả như nhau về một hiện tượng hay cấu trúc tâm lý cần đo trong các lần đo khác nhau. Thông thường, độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng hệ số Alpha của Cronbach (thường gọi tắt là Cronbach Alpha). Đây là hệ số tin cậy được sử dụng phổ biến trong việc xác định độ tin cậy của thang đo tâm lý. Không có chuẩn cố định của hệ số này để xác định độ tin cậy cho mọi thang đo, bởi hệ số này ngoài phản ánh sự ổn định của các thang đo còn phụ thuộc vào số lượng các item của thang đo. Số lượng item càng nhiều thì hệ số có xu hướng càng cao và ngược

lại. Thông thường Alpha từ 0,8 đến 1 được coi là tốt, từ 0,7 đến 0,8 là dùng được và từ 0,6 trở lên là chấp nhận được với các thang đo ít item hoặc thang đo mới (3,258). Bên cạnh đó, có thể dùng kết hợp độ tin cậy item-total (tương quan của từng item với toàn bộ thang đo) để xác định độ tin cậy của trắc nghiệm. Cơ sở lý thuyết ở đây là: một thang đo được thiết kế để đo một thuộc tính tâm lý nào đó, nên mọi item của nó đều phải đo cùng thuộc tính đó. Do vậy, kết quả phải có sự tương quan giữa item với toàn bộ thang đo. Theo Cronk B.C, item nào có tương quan $=0,3$ hoặc $> 0,3$ thì item đó thống nhất với thang đo và item đó chấp nhận được trong thang đo (4).

Ngoài ra, còn có thể sử dụng các phương pháp xác định độ tin cậy khác như: test - retest (thực hiện các lần đo lặp lại trên cùng một nhóm nghiệm thể rồi so sánh kết quả của các lần đo), hoặc độ tin cậy phân đôi (so sánh kết quả của hai nửa thang đo). Để xác định được độ hiệu lực và độ tin cậy của thang đo được thích nghi, sau khi có bản dịch đáp ứng yêu cầu, cần tiến hành sử dụng thang đo trên một mẫu nghiệm thể để có số liệu, từ đó xử lý bằng các phép thống kê toán.

Như vậy, hai thuộc tính đo lường tâm lý cơ bản của thang đo cần được kiểm soát khi thích nghi là độ hiệu lực và độ tin cậy.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hệ số Cronbach Alpha và tương quan item - total để xác định độ tin cậy của thang đo sau khi thích nghi; sử dụng phương pháp phân tích nhân tố và tương quan item - nhân tố để xác định độ hiệu lực của thang đo.

2. Giới thiệu thang đo

Bảng kiểm kê nhân cách thanh thiếu niên (PIY - gọi tắt là Bảng kiểm) là một công cụ đo đa chiều, khách quan, được sử dụng để đánh giá nhân cách học sinh từ 9 đến 18 tuổi với 270 item. PIY có 9 thang đo lâm sàng, tập trung vào việc đánh giá sự điều chỉnh hành vi và xúc cảm, tính chất quan hệ gia đình, sự tương tác của học sinh, sự điều chỉnh trong nhà trường và khả năng học tập. Bảng kiểm này được phát triển trên cơ sở PIC-R (Personality Inventory for Children revised: Bảng kiểm kê nhân cách dành cho trẻ em - bản chỉnh sửa) trong thời gian 4 năm bởi các tác giả David Lachar và Christian Gruber tại trường Đại học y thuộc Đại học Texas- Mỹ. PIC - R đã có lịch sử 35 năm, với số lượt sử dụng trong đánh giá lâm sàng hơn 1 triệu lượt (5). Tuy nhiên, PIY là một bảng kiểm độc lập với các thuộc tính đo lường đạt chất lượng riêng.

Thang đo rối loạn chức năng gia đình (family dysfunction) là một trong 9 thang đo thuộc Bảng kiểm kê nhân cách, gồm 29 item, được phân bố rải rác trong toàn bộ Bảng kiểm. Thang đo này cho phép xác định những vấn đề bất ổn về tâm lý liên quan đến các quan hệ trong gia đình. Đây là một chiều kích quan trọng trong hệ thống các quan hệ của nhân cách. Kết quả của thang đo góp phần lý giải một số vấn đề nhân cách ở học sinh như lo sợ, căng thẳng hay hành vi chống đối. Đặc biệt, ở lứa tuổi thiếu niên, môi trường gia đình thường ẩn chứa

những mâu thuẫn do kém điều chỉnh mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái ở cả hai phía.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Chuyển ngữ thang đo sang tiếng Việt và đánh giá bản dịch về ngôn ngữ.

- Điều tra trên 136 học sinh trung học thuộc các lớp: lớp 6, lớp 9 và lớp 11 của trường THCS, THPT Minh Khai - Từ Liêm (Hà Nội). Các lớp được chọn ngẫu nhiên từ hai khối lớp. Xử lý kết quả của thang đo trên từng học sinh.

- Sử dụng SPSS để xử lý dữ liệu và tính toán các thuộc tính của thang đo.

4. Kết quả phân tích các thuộc tính của thang đo

4.1. Độ hiệu lực của thang đo

Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định độ hiệu lực cấu trúc của thang đo được thích nghi bằng cách sử dụng phương pháp phân tích nhân tố và xem xét tương quan của các item đối với nhân tố (thang đo).

Trong Bảng kiểm gốc, cấu trúc của thang đo bao gồm 3 tiểu thang (sub scale): *Xung đột cha mẹ con cái*, *Kém điều chỉnh của cha mẹ*, *Bất hòa trong hôn nhân* - được tạo thành từ 29 item, do vậy tiến hành phân tích nhân tố từ 29 item để xác định mức độ thống nhất của các item đối với các tiểu thang. Kết quả cho thấy:

Với 3 nhân tố được rút ra từ 29 item có khả năng giải thích 37,17% toàn bộ các biến thiên. Như vậy, khả năng giải thích ý nghĩa của toàn thang đo chưa cao, nhưng bước đầu có thể chấp nhận được. Cụ thể hơn, hệ số tương quan của từng item với các tiểu thang được trình bày ở bảng 1.

Xem xét tương quan của các item với nhân tố (thang đo) cho thấy, các item đều có tương quan với nhân tố $>0,3$. Đây là hệ số cho phép kết luận thang đo có hiệu lực. Chỉ có một số ít item có hệ số tương quan với thang đo $<0,3$. Các item này đã được xác định rõ và cần chỉnh sửa.

Như vậy, thang đo rối loạn chức năng gia đình có độ hiệu lực chấp nhận được và có thể sử dụng để đánh giá trên học sinh THCS và THPT.

4.2. Độ tin cậy của thang đo

Hệ số Alpha Cronbach của toàn thang đo = 0,69. Đây là hệ số chưa cao nhưng có thể dùng được khi số lượng các item của thang đo không lớn. Để có được hệ số tin cậy cao hơn, cần chỉnh sửa một số item cho phù hợp. Những item cần chỉnh sửa được tách ra từ các phân tích về độ tin cậy khi loại bỏ item và tương quan item - thang đo dưới đây.

Phân tích độ tin cậy khi một item bị loại bỏ để đánh giá độ tin cậy chung. Kết quả ở bảng 2.

Kết quả cho thấy: hầu hết các item đều được chấp nhận trong thang đo, khi bỏ bớt item hệ số Alpha sẽ nhỏ hơn hệ số của toàn thang đo. Như vậy, thang đo cơ bản dùng được. Cần lưu ý đến một số item: item có số thứ tự 24,25,28,29. Khi bỏ bớt các item này, hệ số Alpha tăng lên so với hệ số toàn thang đo. Như vậy, các item này không thống nhất với với thang đo, cần xem lại nội dung

Bảng 1: Hệ số tương quan item với các nhân tố (tiểu thang)

STT	Item (mục hỏi)	Nhân tố (tiểu thang)			Ghi chú
		1	2	2	
1	2. Tôi không hài lòng về cuộc sống gia đình.	0,541			
2	12. Tôi thường băn khoăn liệu bố mẹ tôi có yêu thương tôi	0,334			
3	42. Bố mẹ không hiểu tôi	0,536			
4	92. Bố mẹ quá nghiêm khắc với tôi	0,262			<0,3
5	97. Bố (hoặc mẹ) tôi thường rất giận dữ với tôi.	0,554			
6	137. Gia đình tôi thường căng thẳng.	0,701			
7	177. Bố mẹ tôi dành quá ít thời gian cho tôi.	0,552			
8	182. Nhiều khi bố mẹ không hiểu những gì tôi nghĩ.	0,175			<0,3
9	217. Bố mẹ tôi không thực sự kiên nhẫn với tôi.	0,549			
10	7. Gia đình tôi không được yên, như bị yểm bùa vậy.		0,182		<0,3
11	17. Bố mẹ tôi không thống nhất với nhau về việc cần dạy dỗ tôi như thế nào.		0,466		
12	57. Bố mẹ tôi đã từng chia tay nhau vài lần.		0,448		
13	62. Bố (hoặc mẹ) dường như đổ lỗi với tôi.		0,393		
14	82. Bố mẹ tôi không làm từ thiện.		0,352		
15	87. Bố (hoặc mẹ) tôi uống quá nhiều rượu.		0,570		
16	102. Gia đình tôi cãi nhau nhiều vào bữa tối.		0,555		
17	122. Bố mẹ tôi thường nghỉ làm.		0,454		
18	127. Bố (hoặc mẹ) tôi thỉnh thoảng say rượu và bê tha.		0,474		
19	132. Thỉnh thoảng bố (hoặc mẹ) tôi bỏ nhà đi vài ngày sau khi họ tranh cãi.		0,280		<0,3
20	142. Bố mẹ tôi tiêu nhiều tiền hơn số tiền họ làm ra.		0,471		
21	167. Bố mẹ tôi hầu như không ở nhà.		0,135		<0,3
22	207. Bố mẹ tôi hay cãi nhau.		0,652		
23	22. Đã từ lâu gia đình tôi không đi ra ngoài chơi cùng nhau.			0,300	
24	47. Bố mẹ thống nhất cách dạy dỗ tôi.			0,542	
25	52. Gia đình tôi thích được ở bên nhau hơn là những gia đình khác.			0,410	
26	162. Gia đình tôi hầu như không ngồi ăn cùng nhau.			0,269	<0,3
27	172. Bố mẹ tôi giờ đã li dị (hoặc sống li thân).			0,190	<0,3
28	202. Bố mẹ tôi luôn thảo luận trước khi họ đưa ra những quyết định quan trọng.			0,301	
29	212. Hôn nhân của bố mẹ tôi hạnh phúc và bền vững.			0,386	

(Ghi chú: Chữ số trước mỗi mục hỏi là số thứ tự của item trong Bảng kiểm; Các nhân tố tương đương với các tiểu thang: Nhân tố 1- Xung đột cha mẹ con cái; Nhân tố 2: Kém điều chỉnh của cha mẹ; Nhân tố 3: Bất hòa trong hôn nhân.)

và cách diễn đạt của các item này. Tuy vậy, các item này thực chất được thiết kế để kiểm tra độ thống nhất của các câu trả lời của nghiệm thể, do vậy chúng có nội dung theo chiều hướng ngược với các câu trả lời khác (hầu hết là các câu trả lời khác là âm tính- chiều hướng tiêu cực). Do vậy, chúng không thống nhất với các item khác trong thang đo là hợp lí.

Phân tích độ tin cậy item với thang đo, kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Đa phần các item có tương quan với thang đo với hệ số lớn hơn 0,3. Điều này cho thấy việc thích nghi các item

cho kết quả tốt. Cần chú ý các item 26,27,28,29 là các item có hệ số tương quan < 0,3 tức là không thống nhất với thang đo. Tuy nhiên, với các item 28,29 kết quả này trùng hợp với kết quả phân tích độ tin cậy khi loại bỏ các item ở phần trên – các item có chiều hướng dương tính, ngược với chiều hướng của thang đo. Cần chú ý đến các item 26,27 trong quá trình đánh giá để chỉnh sửa giúp cho độ tin cậy của thang đo tốt hơn.

Như vậy, kết quả phân tích bằng hai phương pháp có sự thống nhất về cơ bản.

III. Kết luận

Bảng 2: Hệ số tin cậy khi item bị loại bỏ

STT	Item (mục hỏi)	Hệ số tin cậy khi item bị loại bỏ (Alpha của thang đo =0,6983)	Ghi chú
1	2. Tôi không hài lòng về cuộc sống gia đình.	0,6765	
2	12. Tôi thường băn khoăn liệu bố mẹ tôi có yêu thương tôi	0,6846	
3	42. Bố mẹ không hiểu tôi	0,6722	
4	92. Bố mẹ quá nghiêm khắc với tôi	0,6841	
5	97. Bố (hoặc mẹ) tôi thường rất giận dữ với tôi.	0,6665	
6	137. Gia đình tôi thường căng thẳng.	0,6659	
7	177. Bố mẹ tôi dành quá ít thời gian cho tôi.	0,6690	
8	182. Nhiều khi bố mẹ không hiểu những gì tôi nghĩ.	0,6960	
9	217. Bố mẹ tôi không thực sự kiên nhẫn với tôi.	0,6718	
10	7. Gia đình tôi không được yên, như bị yểm bùa vậy.	0,6968	
11	17. Bố mẹ tôi không thống nhất với nhau về việc cần dạy dỗ tôi như thế nào.	0,6897	
12	57. Bố mẹ tôi đã từng chia tay nhau vài lần.	0,6878	
13	62. Bố (hoặc mẹ) dường như đổ kị với tôi.	0,6837	
14	82. Bố mẹ tôi không làm từ thiện.	0,6901	
15	87. Bố hoặc mẹ tôi uống quá nhiều rượu.	0,6786	
16	102. Gia đình tôi cãi nhau nhiều vào bữa tối.	0,6830	
17	122. Bố mẹ tôi thường nghỉ làm.	0,6830	
18	127. Bố (hoặc mẹ) tôi thỉnh thoảng say rượu và bê tha.	0,6849	
19	132. Thỉnh thoảng bố (hoặc mẹ) tôi bỏ nhà đi vài ngày sau khi họ tranh cãi.	0,6902	
20	142. Bố mẹ tôi tiêu nhiều tiền hơn số tiền họ làm ra.	0,6830	
21	167. Bố mẹ tôi hầu như không ở nhà.	0,6998	
22	207. Bố mẹ tôi hay cãi nhau.	0,6733	
23	22. Đã từ lâu gia đình tôi không đi ra ngoài chơi cùng nhau.	0,6864	
24	47. Bố mẹ thống nhất cách dạy dỗ tôi.	0,7401	Hệ số cao hơn hệ số chung của thang đo.
25	52. Gia đình tôi thích được ở bên nhau hơn là những gia đình khác.	0,7328	Hệ số cao hơn hệ số chung của thang đo
26	162. Gia đình tôi hầu như không ngồi ăn cùng nhau.	0,6920	
27	172. Bố mẹ tôi giờ đã li dị (hoặc sống li thân).	0,6989	
28	202. Bố mẹ tôi luôn thảo luận trước khi họ đưa ra những quyết định quan trọng.	0,7203	Hệ số cao hơn hệ số chung của thang đo
29	212. Hôn nhân của bố mẹ tôi hạnh phúc và bền vững.	0,7259	Hệ số cao hơn hệ số chung của thang đo

Qua việc phân tích các số liệu để xác định độ hiệu lực và độ tin cậy của thang đo sau thích nghi có thể kết luận như sau:

- Thang đo có độ hiệu lực và độ tin cậy ở mức độ chấp nhận được. Do vậy, có thể sử dụng thang đo này trong việc đánh giá nhân cách học sinh để phát hiện các

vấn đề tâm lý ở học sinh liên quan đến các quan hệ trong gia đình. Kết quả đánh giá hết sức cần thiết cho việc giáo dục hoặc can thiệp đối với học sinh và đối với cả gia đình.

- Cần xem xét nội dung và cách diễn đạt một số item cụ thể để từ đó chỉnh sửa nhằm thích nghi tốt hơn thang đo.



Bảng 3: Hệ số tương quan item – thang đo

STT	Item (mục hỏi)	Hệ số tương quan của Item với thang đo	Ghi chú
1	2. Tôi không hài lòng về cuộc sống gia đình.	0,4305	
2	12. Tôi thường băn khoăn liệu bố mẹ tôi có yêu thương tôi	0,3004	
3	42. Bố mẹ không hiểu tôi	0,4338	
4	92. Bố mẹ quá nghiêm khắc với tôi	0,3071	
5	97. Bố (hoặc mẹ) tôi thường rất giận dữ với tôi.	0,5102	
6	137. Gia đình tôi thường căng thẳng.	0,5236	
7	177. Bố mẹ tôi dành quá ít thời gian cho tôi.	0,4787	
8	182. Nhiều khi bố mẹ không hiểu những gì tôi nghĩ.	0,1711	<0,3
9	217. Bố mẹ tôi không thực sự kiên nhẫn với tôi.	0,4635	
10	7. Gia đình tôi không được yên, như bị yểm bùa vậy.	0,1242	<0,3
11	17. Bố mẹ tôi không thống nhất với nhau về việc cần dạy dỗ tôi như thế nào.	0,3416	
12	57. Bố mẹ tôi đã từng chia tay nhau vài lần.	0,3677	
13	62. Bố (hoặc mẹ) dường như đồ kị với tôi.	0,3514	
14	82. Bố mẹ tôi không làm từ thiện.	0,3492	
15	87. Bố hoặc mẹ tôi uống quá nhiều rượu.	0,4085	
16	102. Gia đình tôi cãi nhau nhiều vào bữa tối.	0,506	
17	122. Bố mẹ tôi thường nghỉ làm.	0,3677	
18	127. Bố (hoặc mẹ) tôi thỉnh thoảng say rượu và bê tha.	0,3138	
19	132. Thỉnh thoảng bố (hoặc mẹ) tôi bỏ nhà đi vài ngày sau khi họ tranh cãi.	0,2457	< 0,3
20	142. Bố mẹ tôi tiêu nhiều tiền hơn số tiền họ làm ra.	0,3445	
21	167. Bố mẹ tôi hầu như không ở nhà.	0,0973	<0,3
22	207. Bố mẹ tôi hay cãi nhau.	0,4804	
23	22. Đã từ lâu gia đình tôi không đi ra ngoài chơi cùng nhau.	0,3005	
24	47. Bố mẹ thống nhất cách dạy dỗ tôi.	0,3985	
25	52. Gia đình tôi thích được ở bên nhau hơn là những gia đình khác.	0,3033	
26	162. Gia đình tôi hầu như không ngồi ăn cùng nhau.	0,2133	< 0,3
27	172. Bố mẹ tôi giờ đã li dị (hoặc sống li thân).	0,0906	< 0,3
28	202. Bố mẹ tôi luôn thảo luận trước khi họ đưa ra những quyết định quan trọng.	0,1437	< 0,3
29	212. Hôn nhân của bố mẹ tôi hạnh phúc và bền vững.	0,2405	< 0,3

(Ghi chú: Tương quan item – thang đo >0,3 là chấp nhận được.)

- Nếu tiến hành đánh giá trên mẫu học sinh lớn hơn với sự phân tầng các độ tuổi sát hơn thì sẽ có điều kiện để hoàn chỉnh thang đo.

5. David Lachar and Christian Gruber, *Personality Inventory for youth*. Western psychological service. Los Angeles, 2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Phương Kiệt, *Tiếp cận và đo lường tâm lí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
2. Dương Thiệu Tống, *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lí*, NXB Khoa học Xã hội, 2005.
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê, 2005.
4. Cronk.B C, *How to use SPSS, step by step guide to analyse and interpretation*, Third edition, Pyczak publishing, 2004.

SUMMARY

The Family Dysfunction Scale (FDS) in Personality Inventory for Youth (PYI) is adjusted for use in school psychology. The assessment of efficiency and reliability of family dysfunction scale following its adjustment shows that efficiency and reliability of family dysfunction scale is acceptable. It is possible to use the adjusted scale to examine the family relations and functions among students. However, in order to have a final scale, it is necessary to further adjust some additional items.